

Số: /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch cổ tức năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Hội đồng Quản trị Công ty trân trọng kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch trả cổ tức năm 2022 như sau:

1. Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2022

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch Năm 2022 |
|-------------------------------|-----------|----------------------|
| 1. Sản lượng | Triệu lít | 31.688 |
| 1.1 Bia Hải Phòng | - | 29.688 |
| 1.2 Bia chai Hà Nội 450 ml | - | 2 |
| 2. Doanh thu và thu nhập khác | Tỷ đồng | 315.9 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 2,53 |

2. Kế hoạch cổ tức năm 2022

- Cổ tức năm tài chính 2022: 2,5 %

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT**



Phạm Anh Tuấn

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

Số:/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

*V/v: Thông qua miễn nhiệm và bầu thay thế
thành viên Hội đồng quản trị*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội khoá 14 nước
CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bia Hà Nội -
Hải Phòng;*

Căn cứ Công văn số 1057/HABECO-HĐQT ngày 29/11/2021 của Hội
đồng quản trị Tổng Cty CP Bia - Rượu – Nước giải khát Hà Nội về việc:

- Biệt phái Ông Trần Văn Trung - Chánh Văn phòng HĐQT Tổng Công ty
đến thực hiện nhiệm vụ tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng, giới thiệu
bổ nhiệm Ông Trần Văn Trung giữ chức vụ Giám đốc Công ty thay Bà Tạ Thu
Thủy kể từ ngày 01/01/2022;

- Ủy quyền Ông Trần Văn Trung làm đại diện phần vốn Habeco tại Công
ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng thay Bà Tạ Thu Thủy kể từ ngày 01/01/2022.
Số cổ phần làm đại diện: 458.965 cổ phần, tương đương 05% vốn điều lệ của
Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng kính trình Đại
hội xem xét:

1. Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với Bà Tạ Thu Thủy
2. Bầu bổ sung 01 thành viên tham gia Hội đồng quản trị thay thế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Phạm Anh Tuấn

Số: /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021
Phương án phân phối lợi nhuận 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021; theo đề xuất của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt:

Báo cáo Tài chính năm 2021 được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán. HĐQT Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng công bố, đăng tải trên Website của Công ty <https://habecohnp.com.vn> bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán
2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2021

**Một số chỉ tiêu cơ bản trong
Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 như sau:**

| Stt | Các chỉ tiêu chủ yếu | Số tiền (đồng) |
|----------|---|------------------------|
| 1 | Tổng tài sản | 197.540.870.966 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 154.727.392.971 |
| 2.1 | Vốn góp của chủ sở hữu | 91.792.900.000 |
| 2.2 | Quỹ đầu tư phát triển | 53.005.612.646 |
| 2.3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 2.023.818.325 |
| 3 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 272.719.612.988 |
| 3.1 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 270.505.122.770 |
| 3.2 | Doanh thu tài chính | 197.196.938 |
| 3.3 | Thu nhập khác | 2.017.293.280 |
| 4 | Tổng chi phí | 270.401.927.105 |
| 4.1 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 94.372.189.178 |
| 4.2 | Giá vốn hàng bán | 138.883.418.373 |
| 4.3 | Chi phí tài chính | 356.965.830 |
| 4.4 | Chi phí bán hàng | 20.654.906.261 |
| 4.5 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 16.134.407.575 |
| 4.6 | Chi phí khác | 39.888 |
| 5 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 2.317.685.883 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.811.442.913 |

2. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021 và quy định về trích lập các quỹ trong Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

| STT | Phân chia lợi nhuận | Dự kiến năm 2021 |
|----------|---|----------------------|
| 1 | Tổng lợi nhuận chưa phân phối | 2.023.818.325 |
| | Lợi nhuận chưa PP năm trước | 212.375.412 |
| | Lợi nhuận chưa PP năm nay | 1.811.442.913 |
| 2 | Trích lập các quỹ | 1.862.609.898 |
| 2.1 | Trích khen thưởng ban điều hành | 161.905.466 |
| 2.2 | Trích Quỹ khen thưởng | 161.905.466 |
| 2.3 | Trích quỹ phúc lợi | 161.905.466 |
| 2.4 | Trả cổ tức (tỉ lệ 1.5 % * 91.792.900.000) | 1.376.893.500 |
| 3 | Lợi nhuận còn lại để sang năm 2022 | 161.208.427 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



CHỦ TỊCH HĐQT 2

Phạm Anh Tuấn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TTr-HĐQT

Hải Phòng, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán có uy tín trong danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ 2022;
- Thành viên HĐQT; BKS; BGD;
- Lưu TH.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban**


Nguyễn Thị Hồng Nhung

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2022/TTr-GĐ/HNP

Hải phòng, ngày 19 tháng 03 năm 2022.

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, người quản lý và
thủ lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng.

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định và lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 60/2021/QĐ-HĐQT/HNP ngày 12/5/2021 về việc giao kế hoạch tiền lương năm 2021;

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021;

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng kính trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Kế hoạch năm 2021 | Thực hiện năm 2021 | So sánh TH/KH (%) |
|----|--|---------------------|-------------------|--------------------|-------------------|
| 1 | Tổng sản lượng | Lít | 29.297.000 | 28.572.409 | 97,35 |
| 2 | Tổng doanh thu | Đồng | 280.430.906.593 | 272.719.612.988 | 97,25 |
| 3 | Tổng chi phí chưa có lương | Đồng | 252.611.168.505 | 246.147.180.137 | 97,44 |
| 4 | Tổng chi phí chưa có lương sau khi loại trừ chi phí cho phép | Đồng | 252.611.168.505 | 245.893.475.438 | 97,34 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 2.320.000.000 | 1.811.442.913 | 78,08 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ chi phí cho phép | Đồng | 2.320.000.000 | 2.065.147.612 | 89,01 |
| 7 | Lao động bình quân | Người | 257 | 236 | 91,83 |
| 8 | Năng suất lao động bình quân sau khi trừ chi phí cho phép | (2.DT-4.CP)/7.L ĐBQ | 108,248 | 113,670 | 105,01 |

1. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động:

Căn cứ theo mục b khoản 1 điều 8 của TT28/2016, đối với Công ty có năng suất lao động bình quân thực hiện tăng và mức lợi nhuận thực hiện thấp hơn kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện tăng không quá 80% mức tăng của năng suất lao động bình quân. Tiền lương bình quân thực hiện được xác định theo công thức: $TL_{bqth} = TL_{bqkh} + TL_{ns}$

a. Tiền lương bình quân tăng theo mức tăng năng suất lao động bình quân:

$$TL_{ns} = TL_{khhq} \times (W_{th}/W_{kh} - 1) \times 0,8 = 8.106.301 \times (113,670/108,248 - 1) \times 0,8 \\ = 324.831 \text{ đồng.}$$

b. Tiền lương bình quân thực hiện của người lao động:

Theo nguyên tắc tại TT 28 thì tiền lương bình quân thực hiện của người lao động bằng: $TL_{bqth} = 8.106.301 + 324.831 = 8.431.123$ đồng/người/tháng.

$$Q_{th} = TL_{bqth} \times LĐ_{bqth} \times 12 \text{ tháng} = 8.431.123 \times 236 \times 12 = \mathbf{23.876.946.979 \text{ đồng.}}$$

Tuy nhiên để đảm bảo hiệu quả SXKD và tình hình tài chính hiện tại Công ty. Công ty lựa chọn mức quyết toán tiền lương bình quân thực hiện năm 2021 của người lao động tăng 2,12% so với tiền lương bình quân kế hoạch là: **8.278.281 đồng/người/tháng**

c. Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động:

$$Q_{th} = TL_{bqth} \times LĐ_{bqth} \times 12 \text{ tháng} = 8.278.281 \times 236 \times 12 = \mathbf{23.444.090.750 \text{ đồng.}}$$

2. Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý Công ty.

Căn cứ vào kết quả các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thực hiện năm 2021 như sau:

- Tỷ lệ sản lượng thực hiện đạt 97,53% so với kế hoạch giảm 2,47%;
- Tỷ lệ năng suất lao động bình quân thực hiện sau khi loại trừ các yếu tố cho phép đạt 105,01% so với kế hoạch tăng 5,01%;
- Tỷ lệ lợi nhuận thực hiện sau khi loại trừ yếu tố cho phép đạt 89,01% so với kế hoạch giảm 10,99%.

Theo quy định tại điểm c mục 2 điều 15 TT 28: Công ty có lợi nhuận thực hiện thấp hơn lợi nhuận kế hoạch thì cứ 1% lợi nhuận thực hiện giảm so với kế hoạch thì mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty giảm bằng 1% so với mức tiền lương bình quân kế hoạch. Vì vậy Công ty đề nghị quyết toán mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý như sau:

- Số người quản lý: 04 người (01 Giám đốc; 02 Phó Giám đốc, 01 Kế toán trưởng. Trong đó: 01 PGĐ được HĐQT bổ nhiệm từ tháng 3/2021)

- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý: 29.679.419 đồng.

- Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý ($TL_{bqthnql}$):

$$TL_{bqthnql} = 29.679.419 \times 0,8901 = 26.419.130 \text{ đồng/người/tháng.}$$

- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý (Q_{thnql}):

$$Q_{thnql} = (26.419.130 \text{ đồng} \times 3 \text{ người} \times 12 \text{ tháng}) + (26.419.130 \text{ đồng} \times 1 \text{ người} \times 10 \text{ tháng}) \\ = \mathbf{1.215.279.991 \text{ đồng.}}$$

3. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 Công ty đề nghị quyết toán như sau:

- Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động: 23.444.090.750 đồng.
- Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý: 1.215.279.991 đồng.
- Tổng quỹ tiền lương thực hiện của Công ty: **24.659.370.741 đồng.**

4. Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát:

- Mức tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý: 26.419.130 đồng/người/tháng;
- Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát = 26.419.130 x 20% x 12 tháng x 8 người.

= 507.247.301 đồng.

Tuy nhiên để đảm bảo lợi ích hài hòa của cổ đông, đảm bảo hiệu quả SXKD. Công ty lựa chọn mức thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đã chi thực tế năm 2021: 468.980.889 đồng.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2021 để Công ty có cơ sở quyết toán tiền lương cho người quản lý và người lao động.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ, BKS;
- Lưu TH.



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trần Văn Trung

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/2022/TTr-GĐ/HNP

Hải phòng, ngày 28 tháng 03 năm 2022.

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động, người quản lý và
thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng.

Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định và lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ vào Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty;

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng kính trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022:

| TT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | So sánh TH/KH (%) |
|----|--|----------------------------|-----------------------|----------------------|-------------------------|
| 1 | Tổng sản lượng | Lít | 28.572.409,38 | 31.668.000,00 | 110,83 |
| 2 | Tổng doanh thu | Đồng | 272.719.612.988 | 318.501.269.111 | 116,79 |
| 3 | Tổng chi phí chưa có lương | Đồng | 246.147.180.137 | 284.972.706.285 | 115,77 |
| 4 | Tổng chi phí chưa có lương sau khi loại trừ chi phí cho phép | Đồng | 245.893.475.438 | 284.972.706.285 | 115,92 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Đồng | 1.811.442.913 | 3.248.000.000 | 179,30 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế sau khi loại trừ chi phí cho phép | Đồng | 2.065.147.612 | 3.248.000.000 | 157,28 |
| 7 | Lao động bình quân | Người | 236 | 243 | 102,75 |
| 8 | Năng suất lao động bình quân sau khi trừ chi phí cho phép | (2.DT- 4.CP)/7.L ĐBQ | 113.670.074 | 138.262.115 | 121,63 |

1. Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động:

Căn cứ theo mục a khoản 1 điều 8 của TT28/2016, đối với Công ty có năng suất lao động bình quân kế hoạch tăng và mức lợi nhuận kế hoạch tăng so với thực hiện 2021 thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tăng không quá 80% mức tăng của năng suất lao động bình quân. Tiền lương bình quân kế hoạch được xác định theo công thức: $TL_{bqth} = TL_{bqkh} + TL_{ns}$

a. Tiền lương bình quân tăng theo mức tăng năng suất lao động bình quân:

Mức tiền lương bình quân thực hiện 2021: 8.287.281 đồng/người/tháng

$$TL_{ns} = TL_{thbq} \times (W_{kh}/W_{th} - 1) \times 0,8 = 8.278.281 \times (138.262/113.670 - 1) \times 0,8 \\ = 1.432.777 \text{ đồng.}$$

b. Tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động:

Theo nguyên tắc tại TT 28 thì tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động:

$$TL_{bqkh} = 8.278.281 + 1.432.777 = 9.711.058 \text{ đồng/người/tháng.}$$

$$Q_{kh} = TL_{bqkh} \times L\bar{Đ}_{bqkh} \times 12 \text{ tháng} = 9.711.058 \times 243 \times 12 = 28.259.178.482 \text{ đồng.}$$

Tuy nhiên để đảm bảo lợi ích hài hòa của cổ đông, người lao động và đảm bảo hiệu quả kế hoạch SXKD, đồng thời để giữ lao động cho Công ty cũng như đảm bảo yếu tố gắn tiền lương với năng suất lao động, Công ty lựa chọn mức tiền lương bình quân kế hoạch của người lao động tăng 11,13% so với mức tiền lương bình quân thực hiện 2021, cụ thể như sau:

$$TL_{bqkh} = TL_{bqth} \times 111,13\% = 8.278.281 \times 111,13\% = 9.199.246 \text{ đồng/người/tháng.}$$

c. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 của người lao động:

$$Q_{khld} = TL_{bqkh} \times L\bar{Đ}_{bqkh} \times 12 \text{ tháng} = 9.199.246 \times 243 \times 12 = 26.769.807.190 \text{ đồng.}$$

2. Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý Công ty.

Căn cứ vào các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đều tăng so với thực hiện năm 2021 như:

- Tỷ lệ sản lượng kế hoạch đạt 110,83% so với thực hiện 2021 tăng 10,83%;
- Tỷ lệ năng suất lao động kế hoạch đạt 121,63% so với thực hiện 2021 tăng 21,63%;
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế kế hoạch đạt 157,28 % so với thực hiện 2021 tăng 57,28%.

Theo quy định tại điều 13 mục 1 của TT28/16: Công ty có lợi nhuận kế hoạch dưới 50 tỷ đồng trở lên thì mức tiền lương bình quân kế hoạch tối đa không quá 36 triệu đồng/tháng. Nhằm đảm bảo yếu tố tiền lương gắn liền với lợi nhuận kế hoạch, Công ty đề nghị mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý tăng 20% so với mức tiền lương bình quân thực hiện 2021 của người quản lý như sau:

- Số người quản lý Công ty: 04 người (Giám đốc; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)
- Mức tiền lương bình quân thực hiện 2021 của người quản lý: 26.419.130 đồng.
- Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý ($TL_{bqkhnql}$):

$$TL_{bqkhnql} = 26.419.130 \times 120 \% = 31.702.956 \text{ đồng/người/tháng.}$$

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý (Q_{khnql}):

$$Q_{khnql} = 31.702.956 \text{ đồng} \times 4 \text{ người} \times 12 \text{ tháng} = 1.521.741.902 \text{ đồng.}$$

3. Quỹ tiền lương kế hoạch Công ty đề nghị:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động (Qkhlđ): **26.769.807.190 đồng.**
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý (Qkhnql): **1.521.741.902 đồng.**
- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch năm 2021 của Công ty: **28.291.549.093 đồng.**

4. Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát:

- Mức tiền lương bình quân theo kế hoạch của người quản lý: **31.702.956 đồng/người/tháng.**

- Thù lao HĐQT, BKS = **31.702.956 đồng/người/tháng x 20% x 12 tháng x 8 người.**
= 608.696.761 đồng.

Kính đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét, phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022 để Công ty có cơ sở thanh toán tiền lương cho người quản lý và người lao động.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- BGĐ, BKS;
- Lưu TH.



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trần Văn Trung